

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN DẠY MÔN TÍCH HỢP Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Văn Thống¹ và Đoàn Văn Thiệt^{2*}

¹Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Đoàn Văn Thiệt, Email: doanthiet.vlb@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 04/10/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 22/11/2024; Ngày duyệt đăng: 09/12/2024

Tóm tắt

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành xây dựng và ban hành theo Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018. Một trong những điểm khác biệt lớn của chương trình mới so với chương trình cũ là sự xuất hiện môn tích hợp mới: Lịch sử - Địa lí và Khoa học tự nhiên. Đáp ứng yêu cầu của dạy học tích hợp là nhiệm vụ quan trọng của các nhà quản lý và ngành giáo dục. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên dạy môn tích hợp qua việc khảo sát 369 khách thể gồm: gồm 18 phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn, 351 giáo viên trực tiếp đứng lớp dạy các môn môn tích hợp (224 giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên, 127 giáo viên dạy môn Lịch sử - Địa lí) ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó làm rõ khái niệm cũng như đặc điểm của các môn học tích hợp ở học sinh trung học cơ sở, làm cơ sở để xuất một số giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên dạy các môn tích hợp đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành năm 2018.

Từ khóa: Dạy môn tích hợp, giáo viên, phát triển đội ngũ, trung học cơ sở.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1397>

Trích dẫn: Hồ, V. T., & Đoàn, V. T. (2024). Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên dạy môn tích hợp ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 43-52. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1397>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**CURRENT TEACHER DEVELOPMENT ON TEACHING
INTEGRATED SUBJECTS IN MIDDLE SCHOOLS
BINH CHANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY**

Ho Van Thong¹ and Doan Van Thiet^{2*}

¹*Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Doan Van Thiet, Email: doanthiet.vlb@gmail.com*

Article history

Received: 04/10/2024; Received in revised form: 22/11/2024; Accepted: 09/12/2024

Abstract

Implementing the guidelines and policies of the Party and State, the Ministry of Education and Training has developed and promulgated the 2018 General Education Program. In comparison to the old program, the 2018 Program includes a new integrated subject of History - Geography and Natural Sciences. Meeting the requirements of integrated teaching is an important task of managers and the education sector. Within the scope of this article, the author evaluates the current status of developing a team of integrated subject teachers by surveying 369 subjects. This included 18 Vice Principals in charge of professional work, 351 teachers directly classes teaching integrated subjects (224 Natural Science teachers, 127 History-Geography teachers) at secondary schools in Binh Chanh district, Ho Chi Minh City. Thereby, it clarifies concepts as well as characteristics. of integrated subjects for middle school students, as a basis to propose some solutions to develop a team of teachers teaching integrated subjects to meet the requirements of the current general education program in 2018.

Keywords: *Developing staff, middle school, teachers, teaching integrated subjects.*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm và đầu tư, coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người và đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư phát triển. Giáo dục, đào tạo luôn được ưu tiên đầu tư trong các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội. (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Trong Chương trình GDPT 2018 đã đưa ra những nội dung mới trong lĩnh vực GDPT, đặc biệt ở cấp trung học cơ sở (THCS) với sự xuất hiện của các môn tích hợp như môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử và Địa lý. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Để triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học, trong đó có hai môn học tích hợp lần đầu tiên được thiết kế trong chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp THCS gồm môn Lịch sử và Địa lý được tích hợp từ hai môn trước đây là môn Lịch sử và môn Địa lý; và môn Khoa học tự nhiên được tích hợp từ ba môn: Môn Vật lý, môn Hóa học và môn Sinh học. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Bên cạnh đó, vấn đề dạy tích hợp cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đưa ra các quan niệm liên quan đến nội dung này như:

Theo Roegiers (1996) cho rằng, dạy học tích hợp là một quan niệm về quá trình dạy học, trong đó quá trình học tập góp phần hình thành cho học sinh các năng lực rõ ràng, có dự tính trước những điều cần thiết nhằm phục vụ cho quá trình học tập hoặc hòa nhập học sinh vào cuộc sống lao động.

Nhóm tác giả Huỳnh Văn Sơn và Nguyễn Thị Diễm My cho rằng dạy học tích hợp là quá trình dạy học, trong đó giáo viên (GV) hướng dẫn, tổ chức cho học sinh biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều khía cạnh, lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ học tập. (Huỳnh & Nguyễn, 2016).

Tác giả Mai Sỹ Tuấn cho rằng tích hợp liên môn là hình thức phối hợp của nhiều môn học để nghiên cứu và giải quyết một tình huống, tạo ra những kết nối giữa nhiều môn học. Nội dung tích hợp liên môn xoay quanh các chủ đề, các khái niệm và các kỹ năng liên môn được nhấn mạnh. Một hình thức phổ biến của tích hợp liên môn là hình thành môn học mới so với môn học truyền thống. Trong các môn học đó, có thể có nội dung riêng của từng lĩnh vực khoa học, cũng có nội dung hòa vào nhau và không phân biệt rõ thuộc lĩnh vực khoa học nào. Môn Khoa học tự nhiên được tích hợp từ các môn Vật lý, Hóa học và Sinh học. Tích hợp theo hình thức liên môn, dạy học theo chủ đề tích hợp xuất phát từ yêu cầu của mục tiêu dạy học phát triển năng lực học sinh, đòi hỏi học sinh phải huy động tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực khoa học để giải quyết những vấn đề thực tiễn. Tích hợp xuyên môn hướng vào phát triển những năng lực của học sinh qua nhiều môn học. Trong cách tiếp cận này, nội dung dạy học được thiết kế nhằm phát triển kỹ năng sống, kỹ năng môn học trong bối cảnh của thực tế cuộc sống. Một trong những hình thức dạy học của tích hợp xuyên môn là các nội dung, kỹ năng được tích hợp xuyên suốt nhiều môn học, trong đó nội dung được bố trí dạy nối tiếp từ môn học này đến môn học khác. (Mai, 2017).

Đỗ Thị Trinh, Trần Việt Cường, Hoàng Văn Tài cho rằng tích hợp hiện đang là một trong những hướng chủ đạo, được ứng dụng trong dạy học. Cùng với dạy học theo định hướng phát triển năng lực, dạy học theo định hướng giáo dục STEM, tích hợp đang được nhiều người quan tâm và nghiên cứu. Chính vì vậy, có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau. (Đỗ & cs., 2023).

Theo các quan niệm nêu trên, cùng với việc xuất hiện các môn học tích hợp làm nảy sinh nhiều bất cập, mà điển hình là trình độ, năng lực chuyên môn của GV ở THCS hiện nay chưa được đào tạo liên môn. Vậy làm thế nào để nâng cao và phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên (ĐNGV) phổ thông đáp ứng với chương trình GDPT mới đang là bài toán khó. Do đó, kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần giải quyết những nhiệm vụ cụ thể trong công tác phát triển đội ngũ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về quá trình khảo sát thực trạng

Mục đích khảo sát: Nhằm thu thập thông tin khách quan về thực trạng chất lượng ĐNGV dạy môn tích hợp đáp ứng Chương trình GDPT 2018 và thực trạng công tác phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng Chương trình GDPT 2018, từ đó nhận định những thuận lợi, khó khăn, đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, làm tiền đề cho việc đề xuất các biện pháp khả thi, hiệu quả trong phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Khảo sát thực trạng công tác phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Thực trạng quy hoạch ĐNGV, tuyển dụng ĐNGV, sử dụng ĐNGV, đào tạo và bồi dưỡng ĐNGV, kiểm tra đánh giá ĐNGV, các chính sách nhằm đảm bảo phát triển ĐNGV đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

Khách thể và địa bàn khảo sát: Ngoài việc tiến hành nghiên cứu hồ sơ lưu trữ, chúng tôi áp dụng phương pháp nghiên cứu xã hội học, thăm dò khảo sát bằng phiếu, tập trung vào 369 khách thể gồm: 18 cán bộ quản lý (CBQL) là các Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn, 351 GV trực tiếp đứng lớp dạy các môn tích hợp (224 GV dạy môn Khoa học tự nhiên, 127 GV dạy môn Lịch sử - Địa lí) ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cách thức tiến hành khảo sát: Xây dựng mẫu phiếu khảo sát (bảng hỏi): Việc khảo sát dựa vào bộ phiếu khảo sát về thực trạng ĐNGV và công tác phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cách thức xử lý số liệu khảo sát: Sử dụng phiếu điều tra với thang đo 05 mức độ, từ 1,0 đến 5,0, khoảng cách giữa các thang đo là 0,8 được tính theo công thức $[(\max - \min)/n]$. Theo đó, thang đo gồm 5 mức độ với khoản điểm trung bình (ĐTB) như sau: Mức 1: $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,8$; Mức 2: $1,81 \leq \text{ĐTB} < 2,6$; Mức 3: $2,61 \leq \text{ĐTB} < 3,4$; Mức 4: $3,41 \leq \text{ĐTB} < 4,2$; Mức 5: $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,0$. (Nguyễn & Phạm, 2013).

2.2. Thực trạng về phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. *Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở*

Bảng 1. Nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp

STT	Mức độ cần thiết	Khách thể khảo sát		Tỉ lệ %	
		CBQL	GV	CBQL	GV
1	Không quan trọng	1	29	5,56	8,26
2	Ít quan trọng	1	18	5,56	5,13
3	Bình thường	1	20	5,56	5,70
4	Khá quan trọng	4	103	22,22	29,34
5	Rất quan trọng	11	181	61,11	51,57

Bảng số liệu trên cho thấy sự nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển ĐNGV dạy học tích hợp đang ngày càng được nâng cao. Đa số CBQL và GV nhận thức được tầm quan trọng, nhưng vẫn còn một số ít chưa thực sự quan tâm, vẫn còn một số ít CBQL và GV chưa đánh giá cao tầm quan trọng của việc này. Điều này thể hiện ở các mức độ "Không quan trọng", "Ít quan trọng" và "Bình thường", mặc dù tỷ lệ này khá nhỏ, có 5,56% CBQL và 8,26% GV cho rằng hoạt động này không quan trọng và 5,6% CBQL và 5,13% GV cho rằng ít quan trọng.

Không có sự khác biệt quá lớn về mức độ đánh giá giữa CBQL và GV, cả hai nhóm đều có xu hướng đánh giá cao về tầm quan trọng của việc phát triển ĐNGV dạy học tích hợp có tới 83,33% CBQL và 80,91% GV đánh giá là "khá quan trọng" và "rất quan trọng". Điều này cho thấy các nhà quản lý đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học và đã có những định hướng rõ ràng.

2.2.2. *Thực trạng quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở*

Quy hoạch là công tác không thể thiếu trong quy trình phát triển đội ngũ. Để đánh giá thực trạng công tác này tại các trường, chúng tôi đã điều tra nhận thức của CBQL và GV về mức độ cần thiết và mức độ thực hiện công tác quy hoạch ĐNGV.

Bảng 2. Kết quả khảo sát về quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả khảo sát				
		GV dạy môn Khoa học tự nhiên	GV dạy môn Lịch sử- Địa lí	CBQL	ĐTB	Xếp hạng
1	Xác định căn cứ pháp lý để quy hoạch phát triển ĐNGV	4,30	4,33	4,61	4,41	1
2	Phân tích thực trạng ĐNGV (số lượng, chất lượng, cơ cấu, mặt mạnh, mặt yếu, nguyên nhân...)	4,26	4,28	4,61	4,38	2
3	Xác định mục tiêu phát triển ĐNGV	4,05	4,25	4,39	4,23	6
4	Xây dựng các giải pháp phát triển ĐNGV	4,17	4,29	4,50	4,32	3
5	Huy động các nguồn lực phát triển ĐNGV	4,04	4,27	4,39	4,23	5
6	Tổ chức thực hiện kế hoạch	4,00	4,24	4,33	4,19	7
7	Đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch	4,06	4,28	4,39	4,24	4
ĐTB chung				4,29		

Kết quả khảo sát Bảng 2 về mức độ cần thiết quy hoạch phát triển ĐNGV dạy học môn tích hợp ở trường THCS, kết quả cho thấy ĐTB chung 07 tiêu chí được các nhóm khách thể khảo sát là 4,29 (mức rất cần thiết) với ĐTB nằm trong khoảng 4,21-5,0. Trong khi đó, 100% tiêu chí được CBQL và GV xã hội đánh giá (mức rất cần thiết). Điểm tương đồng về kết quả khảo sát của ba nhóm khách thể là đánh giá giá ở mức rất cần thiết các nội dung “Xác định căn cứ pháp lý để quy hoạch phát triển ĐNGV” với ĐTB là 4,41 điểm, “Phân tích thực trạng đội ngũ” với ĐTB là 4,38 điểm, tiếp đến “Xây dựng các giải pháp phát triển ĐNGV”, “Huy động các nguồn lực phát triển ĐNGV”, “Đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch”, “Xác định mục tiêu phát triển ĐNGV” tiêu chí được đánh giá ở mức cần thiết “Tổ chức thực hiện kế hoạch”.

2.2.3. *Thực trạng tuyển dụng đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở*

Để có được ĐNGV vừa đảm bảo về mặt số lượng, hợp lý, đồng bộ, cân đối về cơ cấu và mạnh về chất lượng, các trường cần chú trọng, quan tâm đúng mức đến công tác thu hút, tuyển dụng ĐNGV. Thực tế công tác này ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy:

Bảng 3. Kết quả khảo sát về tuyển chọn đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả khảo sát				
		GV dạy môn Khoa học tự nhiên	GV dạy môn Lịch sử - Địa lí	CBQL	ĐTB	Xếp hạng
1	Lập kế hoạch tuyển dụng GV	3,98	4,00	4,17	4,05	3
2	Xây dựng chuẩn trong tuyển dụng ĐNGV dạy môn tích hợp (Tập trung vào chuẩn năng lực)	3,97	3,97	4,33	4,09	2
3	Xây dựng quy trình tuyển dụng ĐNGV	3,92	3,99	4,44	4,12	1
4	Sử dụng phương thức thi tuyển hợp lí, công khai	3,54	3,95	4,50	4,00	4
5	Tổ chức, chỉ đạo tuyển dụng theo kế hoạch	3,66	3,91	4,17	3,91	6
6	Kiểm tra, đánh giá công tác tuyển dụng	3,70	3,91	4,33	3,98	5
ĐTB chung				4,03		

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 về mức độ hợp lý của việc tuyển chọn ĐNGV ở các trường THCS, kết quả cho thấy ĐTB chung 06 tiêu chí được các nhóm khách thể khảo sát là 4,03 điểm (mức hợp lý) với ĐTB nằm trong khoảng 3,41- 4,20. Trong khi đó, 100% tiêu chí được CBQL đánh giá (mức rất hợp lý). 100% GV tự nhiên và GV xã hội đánh giá (mức hợp lý). Điểm tương đồng về kết quả khảo sát của ba nhóm khách thể là đánh giá ở mức hợp lý nội dung “Lập kế hoạch tuyển dụng GV” với ĐTB là 4,05 điểm, nội dung đạt mức thấp nhất là nội dung: “Tổ chức, chỉ đạo tuyển dụng theo kế hoạch” với ĐTB là 3,91, “Kiểm tra, đánh giá công tác tuyển dụng” với ĐTB là 3,98, “Sử dụng phương thức thi tuyển hợp lý, công khai” với ĐTB là 4,00. Phương thức thi tuyển có ưu điểm là khách quan, công bằng, mang tính cạnh tranh, đảm bảo đúng chuyên môn, mở rộng phạm vi tuyển dụng, tạo cơ hội bình đẳng cho các ứng viên. Tuy nhiên, phương thức tuyển dụng còn cứng nhắc, chủ yếu là thi viết, kiểm tra năng lực dạy học chỉ trong 15 phút giảng dạy mà chưa chú ý xây dựng được chuẩn năng lực cho GV. Do đó chưa đánh giá sâu được năng lực của các ứng viên.

2.2.4. Thực trạng đào tạo đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở

Để đáp ứng các yêu cầu dạy môn tích hợp ở trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và yêu cầu đổi mới Chương trình GDPT 2018 nói chung, cần thay đổi hình thức bồi dưỡng ĐNGV theo chuẩn nghề nghiệp góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm cho ĐNGV ở các trường THCS.

Bảng 4. Kết quả khảo sát về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp các trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả khảo sát				
		GV dạy môn Khoa học tự nhiên	GV dạy môn Lịch sử - Địa lí	CBQL	ĐTB	Xếp hạng
1	Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng	3,56	3,50	4,50	3,85	1
2	Chỉ đạo xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng	3,42	3,44	4,33	3,73	7

STT	Nội dung	Kết quả khảo sát				
		GV dạy môn Khoa học tự nhiên	GV dạy môn Lịch sử - Địa lí	CBQL	ĐTB	Xếp hạng
3	Xác định lựa chọn các phương pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng	3,42	3,47	4,44	3,78	3
4	Xác định nguồn lực cần thiết cho công tác đào tạo, bồi dưỡng	3,55	3,43	4,28	3,75	4
5	Phân công và quy định rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của từng cá nhân	3,54	3,49	4,17	3,73	5
6	Đổi mới chế độ, chính sách khen thưởng, đãi ngộ đối với GV sau đào tạo, bồi dưỡng	3,55	3,50	4,33	3,79	2
7	Xác lập cơ chế phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân	3,56	3,41	4,17	3,71	8
8	Định kỳ đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV	3,52	3,46	4,22	3,73	6
ĐTB chung					3,76	

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 4 về mức độ cần thiết của việc đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV dạy học môn tích hợp ở trường THCS, kết quả cho thấy ĐTB chung 08 tiêu chí được các nhóm khách thể khảo sát là 3,76 (mức cần thiết) với ĐTB nằm trong khoảng 3,41- 4,20. Trong khi đó, 100% tiêu chí được CBQL và GV đánh giá ở mức cần thiết và rất cần thiết, tiêu chí “Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng” có điểm đánh giá cao nhất (3,85), tiêu chí “Xác lập cơ chế phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân” có điểm đánh giá thấp nhất (3,71). Điều này thể hiện được nhận thức của ĐNGV về năng cao trình độ mọi mặt và mong muốn phát triển bản thân, ý thức vươn lên của ĐNGV.

2.2.5. *Thực trạng về kiểm tra, đánh giá đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở*

Bảng 5. Kết quả khảo sát về kiểm tra, đánh giá đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp các trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả khảo sát				
		GV dạy môn Khoa học tự nhiên	GV dạy môn Lịch sử - Địa lí	CBQL	ĐTB	Xếp hạng
1	Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá theo các tiêu chuẩn năng lực của ĐNGV	3,56	3,50	4,50	3,85	1
2	Xây dựng quy trình đánh giá	3,55	3,49	4,44	3,83	2
3	Tổ chức thực hiện quy trình đánh giá	3,43	3,42	4,39	3,75	3
4	Sử dụng các cách đánh giá, hình thức đánh giá khả thi, hợp lý	3,25	3,30	3,61	3,39	5
5	Sử dụng kết quả đánh giá trong phân loại, sắp xếp, sử dụng GV	3,42	3,46	4,22	3,70	4
ĐTB chung					3,70	

Từ kết quả Bảng 5 cho thấy, các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã có những nỗ lực nhất định trong việc xây dựng hệ thống tiêu chí và quy trình đánh giá ĐNGV. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của công tác này được đánh giá ở

mức cần thiết (3,39 - 3,85). CBQL có đánh giá cao hơn về các nội dung này so với GV. Điều này có thể do CBQL có cái nhìn tổng quan hơn về quá trình đánh giá và có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và triển khai quy trình.

Cả ba nhóm đều có đánh giá tương đối cao về việc xây dựng hệ thống tiêu chí và quy trình đánh giá. Sự khác biệt giữa ba nhóm có thể nằm ở việc áp dụng các cách đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá. GV dạy môn khoa học tự nhiên có thể có xu hướng đánh giá cao hơn về việc sử dụng các phương pháp đánh giá hiện đại, trong khi GV dạy môn Lịch sử - Địa lí có thể tập trung hơn vào việc sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện giảng dạy.

Kết quả khảo sát cho thấy ĐTB chung 05 tiêu chí được các nhóm khách thể khảo sát là 3,70 (mức cần thiết) với ĐTB nằm trong khoảng 3,41- 4,2. Trong khi đó tiêu chí “Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá theo các tiêu chuẩn năng lực của ĐNGV” Cả GV và CBQL đều đánh giá cao việc xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá năng lực dựa trên các chuẩn năng lực của ĐNGV. Điều này cho thấy sự đồng thuận về tính khoa học và phù hợp của hệ thống tiêu chí này. Tiêu chí “Sử dụng các cách đánh giá, hình thức đánh giá khả thi, hợp lý” được đánh giá thấp nhất, cho thấy việc áp dụng các cách đánh giá đa dạng và phù hợp còn hạn chế. Điều này có thể do một số nguyên nhân như: GV chưa được đào tạo đầy đủ về các phương pháp đánh giá mới, hoặc các hình thức đánh giá chưa được thiết kế phù hợp với từng môn học, từng đối tượng. Bên cạnh đó tiêu chí “Sử dụng kết quả đánh giá trong phân loại, sắp xếp, sử dụng GV” chỉ được đánh giá ở mức độ mức trung bình. Điều này cho thấy kết quả đánh giá chưa được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác quản lý và phát triển đội ngũ. Kết quả khảo sát đã cho thấy những điểm mạnh và hạn chế trong quá trình đánh giá. Để nâng cao hiệu quả của quá trình đánh giá, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp quản lý, nhà trường và GV nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2.6. Thực trạng về chính sách đãi ngộ và tạo môi trường phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở

Môi trường làm việc thuận lợi và các chính sách đãi ngộ cho ĐNGV luôn được các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm coi đây là một trong những nhiệm vụ không thể thiếu trong chiến lược phát triển nhà trường nói chung, chiến lược phát triển ĐNGV nói riêng, nếu thực hiện tốt công tác này sẽ tạo động lực cho ĐNGV yên tâm giảng dạy.

Bảng 6. Kết quả khảo sát về chính sách đãi ngộ và tạo môi trường phát triển đội ngũ giáo viên dạy học môn tích hợp ở trường trung học cơ sở

STT	Nội dung	Kết quả khảo sát				
		GV dạy môn Khoa học tự nhiên	GV dạy môn Lịch sử-Địa lí	CBQL	ĐTB	Xếp hạng
1	Chính sách hỗ trợ khuyến khích trong đào tạo, bồi dưỡng	3,56	3,50	4,17	3,74	1
2	Điều kiện sinh hoạt và làm việc	3,33	3,42	3,28	3,34	4
3	Thực hiện chính sách tăng thu nhập (hợp pháp) cho đội ngũ.	3,13	3,31	3,44	3,29	5
4	Hỗ trợ về thời gian, kinh phí trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho ĐNGV	3,55	3,30	3,61	3,49	2
5	Đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến.	3,04	3,35	3,39	3,26	6
6	Môi trường làm việc văn hóa	3,56	3,25	3,50	3,44	3
ĐTB chung					3,43	

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 về việc thực hiện chế độ chính sách, tạo môi trường làm việc cho ĐNGV ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy ĐTB chung 06 tiêu chí được các nhóm khách thể khảo sát đánh giá là 3,43 (mức khá) với ĐTB nằm trong khoảng 3,41- 4,2. Trong khi đó tiêu chí “Chính sách hỗ trợ khuyến khích trong đào tạo, bồi dưỡng” được cả ba nhóm khách thể đánh giá cao nhất với ĐTB là 3,74 điểm, trong đó nhóm CBQL có đánh giá cao hơn với ĐTB là 4,17 điểm, có thể do góc nhìn tổng quan hơn trong việc xây dựng và triển khai các chính sách. Họ có thể đánh giá cao hơn về hiệu quả của các chính sách đã được thực hiện. Bên cạnh đó các tiêu chí liên quan đến điều kiện làm việc, tăng thu nhập, hỗ trợ phát triển nghề nghiệp... còn chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của GV. Điều này thể hiện qua điểm số thấp hơn ở các tiêu chí liên quan.

Kết quả khảo sát đã cho thấy những điểm mạnh và hạn chế trong quá trình thực hiện chế độ chính sách, tạo môi trường làm việc cho ĐNGV, giúp các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường nhằm từng bước nâng cao năng lực chuyên môn của GV, nâng cao chất lượng đời sống cả về vật chất và tinh thần cho ĐNGV.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên dạy môn tích hợp ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Mặt mạnh

Việc phát triển ĐNGV là một quá trình dài và đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống giáo dục. Bằng việc phát triển các giải pháp trên, hy vọng rằng ĐNGV ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho ĐNGV luôn được các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tạo điều kiện, giúp ĐNGV cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp dạy để ứng nhu cầu. Bên cạnh các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có nhiều cố gắng trong công việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tạo điều kiện để GV phát huy tối đa năng lượng của mình.

2.3.2. Mặt yếu

Việc phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh còn đối mặt với nhiều thách thức và nhiều hạn chế, đặc biệt là về việc phát triển ĐNGV do Chính sách về dạy học tích hợp còn nhiều bất cập, chưa có sự hỗ trợ đầy đủ từ phía nhà trường và các cấp quản lý.

Nội dung đào tạo và bồi dưỡng thường mang tính ngắn hạn, chưa đáp ứng những đổi mới của chương trình và phương pháp dạy học tích hợp, còn mang hình thức, truyền thống như nghe giảng, làm bài tập vẫn chiếm ưu thế, hạn chế sự tương tác và trao đổi giữa các GV, chưa chú trọng vào việc trang bị cho GV những kỹ năng thực hành cần thiết để thiết kế và triển khai dạy học tích hợp, Thời gian đào tạo thường khá ngắn, không đủ để GV nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết, GV không được hỗ trợ thường xuyên để áp dụng kiến thức vào thực tế, chưa có những công cụ đánh giá khách quan, khoa học để đánh giá hiệu quả của các chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

Các chính sách hiện hành về phát triển ĐNGV còn mang tính cục bộ, ngân sách dành cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng còn hạn hẹp, chưa có nhiều chính sách ưu đãi dành cho GV, nhiều trường chưa có thiết bị dạy học hiện đại để phục vụ cho việc dạy học tích hợp, khiến GV ít có động lực phát triển.

3. Kết luận

Như vậy, kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng cho thấy phần lớn GV ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã có những hiểu biết cơ bản về sự cần thiết phải dạy học tích hợp, quan điểm và các hình thức dạy học tích hợp. Phần lớn

các GV ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có năng lực đáp ứng yêu cầu dạy học tích hợp. Tuy nhiên tác giả nhận thấy công tác phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp ở các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh còn có những bất cập nhất định trong nhận thức về tầm quan trọng của phát triển đội ngũ, số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, chất lượng đội ngũ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, thực hiện Chương trình GDPT 2018, cơ chế chính sách, công tác tuyển chọn, bồi dưỡng nâng cao trình độ hiệu quả chưa cao, công tác kiểm tra, đánh giá còn nặng hình thức. Các biện pháp phát triển ĐNGV đã được các trường sử dụng trong thời gian qua mới dừng lại ở mức độ nhất định, còn bộc lộ những vấn đề cần được điều chỉnh bổ sung thêm.

Để nâng cao chất lượng ĐNGV trong giai đoạn hiện nay và cho tương lai, Hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cần nhận thức sâu sắc công tác phát triển ĐNGV dạy môn tích hợp vừa là một yêu cầu cấp thiết, vừa là một nhiệm vụ trọng tâm để đáp ứng yêu cầu của địa phương trong giai đoạn thực hiện Chương trình GDPT mới. Biện pháp phát triển ĐNGV trong giai đoạn tới cần được xây dựng trên cơ sở tiếp cận đồng bộ các biện pháp quản lý và khắc phục những hạn chế mà các biện pháp đã đề xuất.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH, ngày 23/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Đỗ, T. T., Trần, V. C., & Hoàng, V. T. (2023). Một số biện pháp phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên ngành Sư phạm Toán. *Tạp chí Giáo dục*, 23(4), 9-13.
- Huỳnh, V. S., & Nguyễn, T. D. M. (2016). *Phát triển năng lực dạy học tích hợp - phân hóa cho giáo viên các cấp học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mai, S. T. (2017). Phó Giáo sư Mai Sỹ Tuấn giải thích 4 khái niệm tích hợp trong chương trình mới. *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*. Truy cập từ <https://giaoduc.net.vn/pho-giao-su-mai-sy-tuan-giai-thich-4-khai-niem-tich-hop-trong-chuong-trinh-moi-post178918.gd>.
- Nguyễn, V. Đ., & Phạm, M. H. (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Roegiers, X. (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực tích hợp ở nhà trường? (Nguyên bản tiếng Pháp - người dịch: Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhi)*. NXB Giáo dục.